

SỐ 2092

GHI VỀ CÁC NGÔI GIÀ LAM TẠI THÀNH LẠC DƯƠNG

*Thời Nguyên Ngụy, Phủ Quân Phủ
Tư Mã Dương Huyền chi soạn thuật.*

LỜI TỰA

Thuyết của Tam phần Ngũ điển (Tam Hoàng, Ngũ Đế), lời của Cửu Lưu Bách Đại (9 học phái và trăm nhà) đều là lý ở tại lãnh vực con người mà nghĩa gồm cả ngoài trời. Đến như gốc của Nhất thừa Nhị đế, ý chỉ của Tam minh lục thông, ở Tây Vực đã rõ ràng đầy đủ nhưng tại Đông Độ (Trung Hoa) đây chẳng ghi. Từ khi Đảnh Nhật cảm mộng, mãn nguyệt tỏa sáng, cửa Lạc Dương nghiêm sức tôn tượng Hào My, đài dạ đồ họa hình tóc biếc. Từ đó trở lại tranh đua nhau phong thái ấy bèn rộng lớn. Mãi đến trong khoảng niên hiệu Vĩnh Gia (307-314) thời Tây Tấn chỉ có 42 ngôi chùa, tiếp đến thời Nguyên Ngụy (387. . .) tạo dựng cơ đồ, Quang trạch tung lạc, dốc tín càng nhiều, pháp giáo càng thịnh. Các bậc vương hầu quý thần bỏ voi ngựa như cỡi giày dép. Các hàng sĩ thứ hào gia xả thí của cải như vất bỏ dấu vết. Từ đó, chiêu đề gỡ sánh, tháp bầu liệt bày, tranh nhau ghi tả vẻ dáng trên trời, đua giành mô phỏng cảnh hình trong núi. Chùa vàng cùng Đài linh sánh cao lớn cùng Điện rộng và A phòng. Đâu chỉ ngay cây áo vải xinh đất trùm đồ tía mà thôi ư? Rồi đến trong khoảng niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy lăm nặn, kiệu vua dời đến Nghiệp đô, Tăng ni các chùa cũng đồng thời mà dời đổi. Đến năm Võ Định thứ 5 (547) thời Đông Ngụy tức năm Đinh mao, tôi nhân đi lính đến trông xem Lạc Dương, thành

quách hư hoại, cung thất đổ nát, chùa Quán chạy rụi, miếu tháp đất gò, tường vách rêu phủ, gai góc giăng bít lối, thú đồng làm hang nơi thêm cấp hoang phế, chim núi làm ổ nơi cây giữa sân. Trẻ nhỏ chăn thú giẫm bước quanh quẩn giữa đường thông. Nông phu canh cày trồng lúa nơi hai cổng. Lúa cảm tốt tươi chẳng riêng gò đất lớn, lúa lia ấy buồn, có tin ư? Khấp cùng kinh thành trong ngoài có hơn ngàn ngôi chùa, ngày nay lạnh trống, tiếng chuông ít nghe, sợ đời sau không lưu truyền, nên chọn ghi ra đây vậy. Nhưng số chùa rất nhiều, không thể ghi tả khắp hết. Nên nay trên sự ghi lục chỉ là những ngôi già lam lớn, trong đó những chùa nhỏ có thể lấy đó mà rõ biết. Trên mặt Thế Đế, nhân sự mà ra đó. Trước lấy trong thành làm đầu, rồi lần lượt ra ngoài thành theo thứ lớp mà nêu danh, khắp cả xa gần làm thành 5 chương. Tài năng của tôi chẳng đáng đủ để trước thuật, nên có lắm nhiều sai sót. Mong các bậc Quân tử sau này rõ xem mà bỏ khuyết đó vậy!

Năm Thái Hòa thứ 17 (463) thời Nguyên (Bắc) Ngụy, Cao Tổ (tức vua Hiếu Văn Đế - Nguyên Hoàn - Thác Bạt Hoàn 477-500) dời đô Lạc Dương, ban chiếu Tư Đồ Công Mục Lượng tạo dựng cung thất, cửa thành Lạc Dương y theo tôn xưa cũ của thời Tiền Ngụy và nhà Tấn. Về phía Đông có 3 cửa, bắt đầu ở phía Bắc cửa thứ nhất tên là “Kiến xuân môn”, thời nhà Hán gọi là “Thượng đông môn”. Trong thư Nguyễn Tạ nói “Đi bộ ra Thượng đông môn” là đó vậy, thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi đó là “Kiến xuân môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi. Tiếp theo về phía Nam gọi là “Đông dương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Đông trung môn”, thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Đông dương môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi. Tiếp về hướng Nam là “Thanh dương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Vọng kinh môn”. Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Thanh minh môn”, Cao Tổ cải đổi là “Thanh dương môn”. Về phía Nam có 3 cửa, bắt đầu cửa thứ nhất ở hướng Đông tên là “Khai dương môn”. Đầu thời Đông Hán, Quang Võ Đế (Lưu Tú 25-58) dời đô đến Lạc Dương tạo dựng cửa ấy, lúc mới hoàn thành mà chưa có tên, bỗng nhiên trong đêm có cột trụ tự đến trên lầu, sau đó Lang da quận khai dương huyện nói cửa phía Nam bay mất đi một trụ, sai sứ đến trông xem thì đúng thật cột trụ ấy vậy, bèn lấy tên là Khai Dương, từ thời Tiền Ngụy đến thời nhà Tấn nhân đó mà chẳng cải đổi, Cao Tổ cũng theo như vậy, tiếp về phía Tây là “Bình Xương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Bình môn”. Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Bình xương môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi, tiếp theo về hướng Tây là “Tuyên dương môn”. Thời nhà Hán

gọi là “Tân môn”, thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Tuyên dương môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi. Về phía Tây có 4 cửa, bắt đầu cửa thứ nhất ở hướng Nam tên là “Tây minh môn”. Thời nhà Hán gọi là “Quảng dương môn”. Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn nhân đó mà chẳng cải đổi. Cao Tổ đổi tên là “Tây minh môn”. Tiếp về phía Bắc là “Tây dương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Ung môn”. Thời tiền ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Tây minh môn”. Cao Tổ đổi tên là “Tây dương môn”, tiếp về phía Bắc là “Lư hạ môn”. Thời nhà Hán gọi là “Thượng tây môn”. Phía trên có đồng, ngọc tuyền ngọc ky cân để ngang thất chính. Thời Tiền ngụy và thời nhà Tấn gọi là Lư hạ môn”. Cao Tổ nhân đó mà không cải đổi. Tiếp về phía Bắc gọi là “Thừa minh môn”. Thừa minh là do Cao Tổ dựng lập. Ngay trước thành Kim Dong theo hai phía Đông-tây có một con đường lớn, lúc mới đầu dờn kinh đô, cung quyết tạo dựng chưa hoàn thành, Cao Tổ bèn trú tại thành Kim Dong. Về phía Tây thành có chùa Vương Nam, Cao Tổ từng có vài lần đến chùa cùng các Sa-môn luận bàn, quen đi cửa đó mà chưa có tên, người đời gọi đó là “Tân môn”. Bấy giờ các hàng Vương Công Khanh Sĩ thường nghênh giá đến Tân môn. Cao Tổ bảo cùng Ngự sử trung úy Lý Bưu rằng: “Trong thơ Tào thực nói: “Bái yết vua tại lầu Thừa minh”, vì vậy cửa này nên lấy chữ “thừa minh” mà gọi vậy”. Và bèn đặt tên như thế về phía Bắc có hai cửa, cửa thứ nhất ở hướng Tây tên là “Đại Hạ môn”. Thời nhà Hán gọi là “Hạ môn”, thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Đại hạ môn”. Từng tạo dựng lầu ba tầng cách đất cao 25 trượng. Cửa lầu thành Lạc Dương đều hai lớp cách đất cao năm thước. Chỉ có nóc ngói “Đại hạ môn” cao vút tận mây và cửa phía Đông là “Quảng mạc môn”, thời nhà Hán gọi là “Cốc môn”. Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Quảng mạc môn”. Cao Tổ nhân đó mà không cải đổi. Từ “Quảng mạc môn” trở về hướng Tây đến “Đại hạ môn”, cung Quán nối tiếp liền khắp trên các thành mỗi một cửa có 3 đường đi, chỗ gọi là cửu quỳ (Đường thông tám phía).

CÁC NGÔI GIÀ LAM TRONG THÀNH LẠC DƯƠNG

QUYỂN 1

1. CHÙA VĨNH MINH:

Chùa Vĩnh Minh do Linh Thái hậu Hồ Thị tạo dựng năm Hy bình thứ nhất (516) thời Bắc Ngụy tại trước cung cách một dặm về phía Nam “Lư hạ môn” và thuộc phía Tây Ngự Đạo. Phía Đông của đó có phủ Thái úy và phía Tây là đối diện với là Vĩnh Khương, ranh giới phía Nam là Chiêu huyện tào và phía Bắc gần Ngự sử đài. Trước Lư hạ môn về phía Đông Ngự đạo có tả vệ phủ, phía Nam phủ ấy có Tư đồ phủ, phía Nam Tư đồ phủ có Quốc tử học đường, bên trong có tôn tượng Khổng Khâu. Nhan Uyên hỏi Nhân Tử Lộ hỏi Chánh trị tại bên cạnh. Phía Nam Quốc tử học đường có chùa Tông chánh. Phía Nam chùa ấy có Thái miếu, phía Nam Thái miếu có Hộ quân phủ. Phía Nam phủ ấy có làng y quan. Từ Ngự đạo về phía Tây có Hữu vệ phủ, phía Nam phủ ấy có Thái úy phủ, phía Nam phủ ấy có Tướng tác tào, phía Nam Tào ấy có Cửu cấp phủ, phía Nam phủ ấy có Thái xã, phía Nam xã ấy có làng Lăng Âm, tức nơi Tàng băng ở thời tứ triều. Bên trong có một ngôi tháp 9 tầng, giá gỗ tạo dựng nên cao 90 trượng. Lại có ngôi chùa cao 10 trượng, hợp cùng cách đất 1.000 thước. Ở cách xa kinh thành trăm dặm cũng trông thấy đó.

Mới đầu, đào móng xuống dưới sỏi vàng, có được 3.000 tôn tượng bằng vàng, Thái hậu cho đó là điềm chứng của sự kinh tin Phật pháp, do đó tạo dựng quá độ. Trên chùa có bình vàng báu dung chứa 25 bình đá báu, phía dưới có mâm vàng thừa lộ 30 lớp. Bao quanh đều có rủ linh vàng lại có xích sắt. Bốn đường dẫn từ chùa đến tháp, bốn góc trên móc xích cũng có linh vàng, linh lớn nhỏ hình như cái cải hủ đá. Tử phù đồ có 9 cấp góc cạnh, mỗi góc đều có treo linh vàng. Trên dưới cả thủy có 120 cái linh. Tháp có 4 mặt, mỗi mặt có 3 cửa thông và 6 cửa sổ, cửa thông đều sơn son. Trên cảnh cửa có 5 hàng linh vàng. Gồm cả thủy có

5.400 cái. Lại có vòng vàng thiết bày ở đầu, hết công của cây đất, cùng sức của tại hình, Phật sự tinh diệu không thể nghĩ bàn. Cột trụ thêu vẽ vàng phô bày kinh lóa cả tâm mắt mọi người, đến lúc gió cao lay động, trợn đem linh báu hòa vang, âm thanh leng keng vang xa hơn 10 dặm.

Từ tháp về phía Bắc có một điện Phật hình dáng như điện Thái cực, bên trong có một tôn tượng bằng vàng cao trượng tám, bên trong lại có 10 tôn tượng bằng vàng lớn, 3 tôn tượng được thêu bằng châu ngọc, 5 tôn tượng dệt thành, công phu kỳ xảo hơn hẳn trong đời. Tầng phòng lầu quán có hơn ngàn gian, chạm trổ xà gạch, vách tường sắc màu rực rỡ khó thể nói tả. Các loại cây Quát bách từng thung nâng phát mái rậm, trúc hương cỏ trái khắp mặt thêm. Vì thế trong văn bia, thường cảnh ghi tả rằng: “Điện báu núi Tu Di, cung tịnh trời Đâu suất chẳng nơi nào hơn đây vậy”. Với kinh tượng của các nước khác dâng tặng đều tôn trí tại chùa ấy, tường vách chùa viện đều đặt rui ngấn, lợp ngói che phủ trên như trường cung ngày nay vậy, khắp bốn mặt mỗi mỗi đều mở một cửa. Cửa lầu phía Nam ba lớp thông liền. Ba tường cách đất 20 trượng, hình dáng chế tác tựa như Đao môn đồ nay vậy. Dùng mây khí họa tô hình thể tiêu linh đem xem tiền vàng xích xanh rực rỡ hoa lệ. Vòng quanh cửa hẹp có 4 lực sĩ, 4 sư tử được trang sức bằng vàng bạc và đan xen châu ngọc hoa lệ rực rỡ hiếm thấy trên đời. Hai cửa Đông-tây cũng đều như vậy. Điểm hơi khác là chỉ hai lớp tầng lầu. Cửa phía Bắc một đường không thiết bày phòng nhà, tựa như cửa Điều đầu. Ngoài bốn cửa trồng cây hòe xanh mát vòng quanh nước biếc. Mọi người đi đến kinh áp phần nhiều nương nghỉ phía dưới. Đường đi không có bụi bay bởi đơm thắm mây cuộn, gió trong lành thổi mát, đầu bữa bãi hợp phát hân hoan.

Thái hậu bảo ban Trung thư xá nhân Thường cảnh soạn viết văn bia của chùa. Thường cảnh tự là Vĩnh Xương, vốn người xứ Hà Nội, là bậc học thông hiểu rộng vang danh khắp trong nước nhà. Năm Thái Hòa thứ 19 (495) thời Bắc Ngụy, hưởng cảnh rất được Cao Tổ (tức vua Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoàn 471-450) tin dùng, nên được đề bạt làm Luật học bác sĩ. Với mọi sự hình pháp nghi ngờ về tu ngục, phần nhiều đều hỏi Thường Cảnh. Đến đầu niên hiệu Chánh Thỉ (504), vua Tuyên Võ Đế (nguyên khác) thời Bắc Ngụy ban sắc khắc Luật lệnh, trợn làm thể thức chung, ban sắc thường cảnh cùng chính sửa văn sách. Thị ngự sử Cao Tăng Dụ, Vũ Lâm Giám Vương nguyên Huy, Thượng thư lang tổ Oanh, Viên ngoại tán kỵ thị lang Lý Diễm Chi v.v... soạn tập việc ấy. Lại ban sắc chiếu Thái sư bành thành Vương Hiệp, Thanh châu Thứ sử Lưu Phương vào dự bàn nghị đó. Thường Cảnh xét chính khoa

điều, suy lường xưa nay rất có lẽ thường tuần tự, hiện lưu hành nơi đời, tức bộ luật gồm 12 chương ngày nay hiện thấy vậy. Thường Cảnh lại cùng Lưu Phương tạo tên của Lạc Dương cung điện môn các, hiệu của đường đi trải qua thôn ấp, ban xuất bãi bỏ Trường An lệnh. Người thời bấy giờ sánh ví Thường Cảnh như Phan Nhạc. Về sau Thường Cảnh trải qua các chức vị như Trung thư xá nhân, Hoàng môn thị lang bí thư giám, U châu thứ sử, Nghi đồng tam ty. Học trò rất lấy đó làm vinh hạnh vậy. Thường Cảnh vào dự tham Cận thị, ra làm Hầu mục, nhà ở nghèo nàn cần kiệm, mọi sự tợ như nhà nông, chỉ có kinh sử đầy xe ngạp giá, có trước thuật văn tập hơn vài trăm chương, do cấp sự Phong Vĩ Bá viết lời tựa lưu hành nơi đời, khi công việc trang sức hoàn tất, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528 thời Bắc Ngụy) cùng Thái hậu đồng đến dự thăm. Thường Cảnh xem việc trong cung tợ như trong lòng bàn tay, xét cùng khắp kinh đô chỉ tợ như ở sân nhà. Vì mắt thấy trong cung mọi sự nên cấm người chẳng cho lên. Huyền Chi thường cùng Hà Nam Quân Hồ Hiếu Thế đồng đến dự thăm, từ trên nhìn xuống như mây mưa, tin thật chẳng hư dối bầy.

Bấy giờ có Sa-môn Bồ-đề Đạt-ma người xứ Tây Vực và người Hồ ở nước Ba Tư, phát xuất từ hoang duệ rảo bước đến Trung Hoa, trông thấy mâm vàng rực rỡ soi sáng ngoài mây, khánh báu ngậm gió vọng tiếng vượt ngoài trời, bèn ca vịnh tán thán cho rằng thật là thần công, và tự nói là đã 150 tuổi, vân du trải qua các nước không nơi nào chẳng đến, mà chùa đây tinh sáng hoa lệ, khắp Diêm-phù chỉ một không hai, cùng cảnh giới mọi vật cũng chưa có. nên đứng đó miệng xưng “Nam mô” hoặc chấp tay liền ngày.

Đến trong năm Hiếu Xương thứ 2 (526) thời Bắc Ngụy, gió lớn nổi dậy sập nhà trúc cây, bình báu trên chùa theo gió mà rơi xuống đất xa hơn cả trượng. Lại bảo các thợ chú đúc bình mới. Năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Thái Nguyên Vương, Nhĩ Chu Vinh, Tổng Sĩ Mã đến chùa đó. Chu Vinh tự là Thiên Bảo, người xứ Tú cốc; đất Bắc, ở đời là Đệ nhất lãnh, dân Tù trưởng. Bác Lăng Quận công bộ lạc có hơn 8.000 nhà, có đến vài vạn con ngựa, giàu có sánh ngang bằng Thiên phủ.

Đến trong tháng 2 năm Võ Thái thứ nhất (528), vua Hiếu Minh Đế băng hà, lập Lâm Thao Vương thế tử Chiêu nối nghiệp. Đại nghiệp vừa mới 3 tuổi, Thái hậu phải tham nắm triều chánh để lập đó. Chu Vinh nói cùng Tinh Châu thứ sử Nguyên Thiên Mục rằng: “Hoàng đế (tức Hiếu Minh đế) băng hà chỉ mới 19 tuổi, khắp trong nước các hàng sĩ thứ còn

gọi là “Ấu vương” hưởng hồ nay đây kính phụng trẻ con chưa biết nói, để đến với thiên hạ mà trông mong thanh bình, việc ấy có thể được ư? Đời tôi mang đội ân sủng của nước nhà, không thể ngồi yên mà trông nhìn mọi sự thành bại, nay muốn đem 5.000 ngựa sắt đến Ai sơn lãng, và hỏi các thị thần về nguyên do của Hoàng đế băng hà, Ý ông nghĩ thế nào?”. Nguyên Thiên Mục nói rằng: “Ông sáng suốt, đáng cho đời noi theo, lại ban chí khí hùng tài kiệt xuất. Dân chúng trong bộ lạc trướng cung cả một vạn. Phương Nam ấy lại thấy ở ngày nay!”. Chu Vinh liền cùng Nguyên Thiên Mục kết nghĩa anh em khác dòng họ. Nguyên Thiên Mục tuổi lớn hơn nên làm anh, Chu Vinh phải phụng sự đó và làm manh chúa, Nguyên Thiên Mục cũng kính bái Chu Vinh, từ đó kín bàn. Trong quân trướng các Vương chẳng biết ai sẽ đáng tước, bèn đến Tấn Dương lệnh riêng chú đúc tượng mà không thành, chỉ có tượng của Trường Lạc Vương Tử Du tượng sáng đủ đầy, đoan nghiêm kỳ diệu đặc thù, do đó Chu Vinh để ý ở Trường Lạc, sai phái Thương Đầu Vương phong vào Lạc Dương dò xét để làm chủ. Trường Lạc liền hứa thuận và cùng khắc minh khế. Ba quân của Chu Vinh sáng thuận, phát cao cờ ra phương Nam. Thái hậu nghe Chu Vinh cử động binh lính. Lúc mời các Vương công nghị bàn, Hồ Thị chuyên sủng ái, Hoàng tông oán đợi. Lúc vào bàn nghị chẳng ai chịu mở lời, chỉ có Hoàng môn thị lang Từ Thống nói rằng: “Nhĩ Chu Vinh ngựa ấp nhỏ, người Hồ, tài năng kém cỏi, chẳng độ đức lượng, sức kích dài tay khuyết thiếu. Chỗ đáng gọi là vết cùng chống cự bánh xe, củi chất đợi thiêu rụi. Nay Túc vệ Văn Võ cũng đủ để một trận chiến, chỉ giữ lấy Hà Kiều để xét xem ý thú ấy. Nhĩ Chu Vinh kéo quân ra ngàn dặm, quân lính già tướng tẻ vì vượt quá, đợi nó nhọc mệt, đánh phá hẳn thắng vậy”. Thái hậu chấp thuận theo lời Từ Thống, liền sai Đô đốc Lý Thần Quỷ, Trịnh Quý Ninh v.v... dẫn 5.000 binh lính ra trấn giữ Hà Kiều. Đến ngày 11 tháng 04, Nhĩ Chu Vinh qua Hà Nội đến trạm Cao Đầu, Trường Lạc Dương từ Lô Lãng theo hước Bắc vượt đến chỗ quân lính của Nhĩ Chu Vinh, Lý Thần Quỷ, Trịnh Quý Minh v.v... thấy Trường Lạc Vương sang, bèn mở cửa hàng phục. Ngày 12 tháng 04. Nhĩ Chu Vinh dẫn binh lính đến phía Bắc của Mang Sơn là nơi đồng trống của Hà Âm. Ngày 13 tháng 04, chiều tập trăm quan lên giá, những người đến đều bị giết hết, các hàng Vương công khanh sĩ và cả triều thần bị chết hơn 3. 000 người. Ngày 14 tháng 04, xa giá vào thành, đại xá cho thiên hạ, cải đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa năm thứ nhất (528), vua là Hiếu Tang Đế (Nguyên Tử Du).

Bấy giờ vừa mới trải qua đại binh, người vật chết hết, các bọn Lưu

Bính kinh sợ chưa dám ra, Hiếu Trang Đế lên ngôi Thái Cực, mở lưới ban trái đức nhân, chỉ có một mình Tấn kỵ thượng thị Sơn Vĩ bái nhận ân nam quyết, phong thêm Nhĩ Chu Vinh là Sứ trì tiết trung ngoại chư quân sự đại tướng khai phủ bắc đạo đại hành Đài Đô đốc. Các quân sự ở mười châu Đại tướng quân lãnh tả hữu. Thái nguyên vương kỳ Thiên Mục làm Thệ trung thái úy công thế tập tinh châu thứ sử, Thượng đẳng vương khởi gia làm Công khanh mục thú, không thể tính kể. Đến ngày 20 tháng 4, trong thành vẫn thô sơ còn chưa tự an, sống chết cùng oán đối, mọi người ôm hoài suy tư khác nhau. Các dấy thất hào gia vất bỏ vườn nhà đua nhau chạy trốn, các hàng phu sĩ nghèo khổ chạy trốn. Do đó, ban phát chiếu chỉ, đối với người lạt tử khắp được thêm tặng thưởng. Các hàng tam phẩm trở lên thì tặng tam công, các hàng Ngũ phẩm trở lên thì tặng lệnh bộc, các hàng thất phẩm trở lên thì tặng châu mục, dân trắng thì tặng quận trấn. Từ đó hơi được bình an. Hiếu Trang Đế lấy con gái của Nhĩ Chu Vinh làm Hoàng hậu, tôn phong Nhĩ Chu Vinh làm Trụ quốc đại tướng quân lục thượng thư sự, các quan khác vẫn như cũ, tôn phong Thiên Mục làm Đại tướng quân, các quan khác đều như cũ.

Đến tháng 5 năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, Hải Bắc Vương Nguyên Hạo lại vào Lạc Dương, nhóm tập binh lính tại chùa ấy. Nguyên Hạo là anh của Hiếu Trang Đế, khoảng cuối niên hiệu Hiếu Xương (528) thời Bắc Ngụy, Nguyên Hạo trấn tại cấp quận, nghe Nhĩ Chu Vinh vào Lạc Dương, bèn theo hướng Nam bôn chạy đến Tú Diễn. Năm đó vào Lạc Dương thì Hiếu Trang Đế đang tuần du tại phương Bắc, Nguyên Hạo bèn lên ngôi vị Hoàng đế, cải đổi niên hiệu là năm Kiến Võ thứ nhất (?). Nguyên Hạo gửi cho Hiếu Trang vương bức thư viết rằng: “Đạo lớn đã ẩn, thiên hạ chẳng công, họa phước không truy tìm cùng khả năng nghĩa tuyệt. Trẫm còn mong hầu Ngũ đế không lấy sáu quân, chánh vì vô trấu muôn xe chẳng đáng sánh cùng báu lớn. Chẳng tham sự tôn quý của Hoàng đế, đâu mưu đồ giàu sang của Lục hợp. Vì Nhĩ Chu Vinh năm trước vào Lạc Dương, thuận mà cầu vương, trọn làm giặc của nhà Ngụy ta, đạo nghịch lại thêm ở Quân vương gần. Tên nhon lại ban giao cho khanh tể. Vốn dân thiếu lớn mới muốn không nghi, đã có bày tâm luôn trộm ngang Tề, há không tính kế lục khanh phân Tấn? Chỉ vì bốn biển rộng nhiều muốn gom cùng chưa thể được, tạm dựng quân thân, giả cùng bái đặt. Hại anh em khanh riêng phu giới lập, tuân dưỡng đợi thời, thần tiết há lâu dài? Trẫm thấy lòng đây lạnh xa ném xuống sông, bày khóc thỉnh cầu Lương Triều, thể che xấu hổ. Gió thổi

tới kiến nghiệp, sấm xét đến Tam xuyên, chánh vì muốn hỏi tội đối với Nhĩ Chu Vinh, đưa công khanh ra khỏi gông cùm, giúp cốt nhục vượt thoát oán sâu, mở dứt trời ngược cho muôn dân. Nghĩa là mất khanh sáng khởi tiết tự trông thấy. Tôi cùng tiếp theo buồn khổ đồng đánh xét hung yết, chẳng để ý xa giá vào thành cao tiệp. Ông từ phương Bắc vượt vào tuy bức bách bởi hung thư, thế chẳng tự do. Hoặc Nhị sinh ôm hoài trong trắng vất bỏ kiếm mà phỏng đoán. Tôi nghe thế mà trọn than, vớ về cổ áo mà mất đó sao? Trầm đối với khanh anh em tuy xa, liền cành rẽ lá, hưng thành hay hủy bại cùng nương. Giả sử như có bên trong dòm ngó, ngoài còn lấn áp. Huống hồ tôi cùng với khanh hòa mục sâu dày, riêng thuần đối với cấp nạn. Phàm này chẳng như bỏ thân tức thù, nghĩa tướng sao tựa vậy? Vả lại, Nhĩ Chu Vinh chẳng dấu vết của bề tôi, bạo dữ ở bàng ngọ, mưu đoạt xã tắc của nhà Ngụy ta, mọi người ngu trí đồng thấy đó, khanh rất rõ ràng, nghi là hản vậy, gá mạng nơi lang sói, bỏ thân nơi miệng hổ. Bỏ thân thích giúp giặc thù. Anh em tìm kiếm đánh nhau, giả sử giành được dân chúng và đất đai, vốn chỉ là vật của Nhĩ Chu Vinh có được, như bình định được thành ấp, trọn chẳng phải của khanh có. Nhọc ngay Tông quốc để rộng lớn cướp thù, khoái lông giặc lan tỏa, gá lợi của Biện trang. Những kẻ sĩ có nhận biết đều lấy đó làm xấu hổ. Nay mọi sự hưng suy của nước nhà do nơi khanh cùng tôi. Nếu Đạo trời thuận giúp, thế cùng nghĩa cử đây, thì tông xã của triều đình nhà Ngụy ta và thời vận chẳng cùng. Thắng như trời chẳng đẹp loạn, Hồ yết chưa diệt hết, chim si kêu, lang sói cắn, hiến dâng Hà Bắc, đó là phước của Nhĩ Chu Vinh mà là họa của khanh vậy, ấy đâu phải thuộc người khác, thước sách Đạo ý, khanh nên ba phen đáp lại nghĩa lợi, là mưu đồ phú quý có thể bảo trọng, chết người chẳng lo, trọn không nuốt lời, tự cùng như thịt cá, khéo chọn sự tốt lành, chớ để về sau phải hối hận”. Hoàng môn đây tức ngôn từ của Tô Oánh vậy.

Bấy giờ, Hiếu Trang Đế đang ở tại thành Trường Tử, Thái Nguyên Vương Thượng Đẳng Vương cùng đến cấp nạn. Đến tháng 06, Hiếu Trang Đế bao vây Hà Nội, Thái thú Nguyên Đào Thang, xa kỵ tướng quân tông chánh trần tôn v.v... vì Nguyên Hạo trấn giữ đánh đó chẳng thắng, khi đó nắng nóng hừng hực, tướng sĩ đều nhọc mệt. Thái Nguyên Vương muốn khiến Hiếu Trang Đế đến Tấn Dương, sang mùa thu sẽ lại cử Đại nghĩa. Chúa quyết định, bèn vời gọi Lưu Trợ đến đoán xem. Lưu Trợ nói: “Hản là đánh thắng”. Từ đó đến sáng ngày sau dốc hết sức cùng đánh, quả thật đúng như lời nói ấy, Nguyên Đào Thang, Chánh Trần Tôn đều chém đầu, vì chết hết ba quân. Nguyên Hạo nghe ở Hà

Nội không thể giữ gìn được, bèn đích thân dẫn đầu trăm quan liêu ra trấn Hà Kiều, đặc biệt kín chuyển dời Thị trung an phong vương Diên Minh sang trấn thú tại Hiệp Thạch. Qua tháng 07, Hiếu Trang Đế đến Hà Dương, tuy cách dòng sông với Nguyên Hạo nhưng cùng trông thấy. Thái Nguyên Vương bảo xa kỵ tướng quân Nhĩ Chu Triệu ngầm bắt chước vượt sông đánh phá Diên Minh tại Hiệp Thạch. Nguyên Hạo nghe Diên Minh bị thất bại nên cũng tan chạy. Con em cùng dẫn theo ở Giang Chuẩn cả thấy 5.000 người không ai chẳng cởi bỏ áo giáp cùng khóc, nắm tay xếp thành hàng. Nguyên Hạo cùng vài mươi xa kỵ muốn bôn chạy ra Tú diển. Vừa đến Trường xã, bị dân chúng xã đó chém đầu mang đưa về kinh đô. Đến ngày 20 tháng 07, Hiếu Trang Đế trở về Lạc Dương, tôn phong Thái Nguyên Vương làm Thiên trụ đại tướng quân, các quan khác cũng vẫn như cũ, tôn phong Thượng Đản Vương làm Thái tử, các quan khác cũng vẫn như cũ.

Đến năm Vĩnh An thứ 03 (530) thời Bắc Ngụy, Nhĩ Chu Triệu phản nghịch, bắt giam Hiếu Trang Đế tại chùa. Khi ấy, Thái Nguyên Vương ở ngôi vị cao tột, tâm sinh kiêu căng ý lại công cao, tình ý xa xỉ, cho cướp đoạt kho tàng, phỏng ý tự tiện. Hiếu Trang Đế oán giận bảo cùng mọi người rằng: “Trẫm thà là khanh công cao quý mà chết, chứ không làm như Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220) thời Đông Hán mà sống. Đến ngày 25 tháng 09 dối bày nói là mới sinh Thái tử, Nhĩ Chu Vinh, cùng Thiên Mục đều vào châu. vua Hiếu Trang Đế tự tay nắm dao giết Nhĩ Chu Vinh tại điện Quang Minh. Thiên Mục bị phục binh nên vừa trốn chạy liền bị giết. Thế tử bộ lạc đại nhân của Chu Vinh cũng bị chết. Bộ hạ xa kỵ tướng quân Nhĩ Chu Dương Đô v.v... gồm 20 người của Nhĩ Chu Vinh cùng vào Đông Hoa môn cũng bị binh phục giết chết. Chỉ có Tả bộc xạ Nhĩ Chu Thế Long vốn ở nhà nghe Nhĩ Chu Vinh bị chết bèn gồm tất cả bộ khúc của Nhĩ Chu Vinh thiêu đốt tại Tây Dương môn, rồi bôn chạy đến Hà Kiều.

Đến ngày mồng 01 tháng 10, Nhĩ Chu thế Long cùng vợ là Bắc Hương quận trưởng công chúa đến chùa Bằng Vương ở Mang Sơn vì Nhĩ Chu Vinh mà thiết trai tu phước. Và bèn sai phái Nhĩ Chu Hưu đến xét đánh. Nhĩ Chu Na, Luật Quy v.v... dẫn đầu 1.000 Hồ kỵ đồng mặc y phục sắc trắng đến dưới thành quách đòi thí táng của Thái Nguyên Vương, khi ấy Hiếu Trang Đế lên Đại hạ môn trông nhìn thấy thế, bèn sai chủ thứ Ngưu Pháp Thượng nói cùng Luật Quy v.v... rằng: “Thái Nguyên Vương lập công chẳng trọn, mưu đồ ngầm muốn phản nghịch, vương pháp không tha, đã y theo chánh luật hình xử tội Chỉ Vinh

Thân, ngoài ra đều chẳng cần phải hỏi. Các khanh v.v... sao bị giáng quan tước như cũ”. Luật Quy nói rằng: “Thần từ Thái Nguyên Vương đến châu, bệ hạ sao nhần ngày nay đặt để oan uổng vô lý như vậy. Thần muốn trở về lại Tấn Dương, chẳng nhần đi không, nên nguyện xin được nhận thi táng của Thái Nguyên Vương thì có sống chết cũng không hận”. Vừa nói: vừa lệ đổ như mưa chẳng thể tự cản ngăn, Quân Hồ khóc rống vang tiếng chấn động cả kinh thành. Hiếu Trang Đế nghe thế cũng xót xa cõi lòng nên sai phái Thị Trung Chu Nguyên Long bày thiết khoán cùng Thế Long đợi đó chẳng chết, quan vị vẫn y như cũ. Thế Long nói cùng Nguyên Long rằng: “Thái Nguyên Vương, công sánh như đất trời, cứu tế muôn dân, lòng son phụng sự nước nhà, có thần minh nhận biết. Trường chẳng đoái hoài tin thế, uổng hại bậc trung lương, ngày nay đưa hai hàng chữ sắt, đầu đủ đáng tin ư”. Tôi quyết vì Thái nguyên Vương mà báo thù trọn không quy hàng”. Nguyên Long thấy Thế Long gọi Hiếu Trang Đế là “Trường Lạc”, biết đó là chẳng thành thực, vả lại đem điều ấy nói cùng Hiếu Trang Đế. Hiếu Trang Đế liền ban xuất mọi vật trong kho ra đặt ngoài cửa phía Tây thành chiêu mộ những kẻ sĩ cảm tử để đánh Thế Long. Chỉ trong một ngày mà có được hơn vạn người, cùng Luật Quy v.v... đánh nhau ngoài thành quách. Hung thế chẳng suy bại, Luật Quy v.v... đã từng trải qua trường lính nên tiện lợi đánh giết. Dân sĩ ở kinh đô, phần nhiều chưa tập qua quân trận, nên tuy đều là những bậc nghĩa dũng nhưng sức lực chẳng theo tâm chí. Suốt 3 ngày từng đánh mà du hồn chẳng dứt. Hiếu Trang Đế lại chiêu mộ cắt đoạn Hà Kiều, có Lý Tuân người xứ Hán Trung là Thủy quân từ Thượng lưu phóng lửa đốt cầu. Thế Long thấy cầu bị cháy, bèn cưỡi bóc dân sống theo hướng Bắc lên Thái Hành. Hiếu Trang Đế lại sai phái Thị Trung Nguyên Tử Cung, Hoàng môn Lang Dương Khoan dẫn đầu bộ kỵ có cả 3 vạn đến trấn tại Hà Nội.

Thế Long đến Cao Đô, lập Thái nguyên thái thú Trường Hoàng Vương Hoa làm chúa, đổi niên hiệu là kiến nguyên năm thứ nhất (?) dòng họ Nhĩ Chu tự phong vương gồm cả thủy 8 người. Trường Hoàng đóng vương đô tại Tấn Dương, sai phái Đinh Xuyên Vương Nhĩ chư Triệu dẫn binh lính đến kinh đô. Quân của Nguyên tử Cung bị thất lợi. Nhĩ Cung Triệu từ Lôi pha vượt sông đến bắt Hiếu Trang Đế tại Điện Thức Càn. Hiếu Trang Đế mới đầu theo đường Hoàng Hà mà chạy gấp, chưa nghĩ rằng Nhĩ Chu Triệu bắt được, không để ý Nhĩ Chu Triệu lợi dụng mái chèo nương theo dòng nước mà qua. Ngày đó nước cạn nên chẳng dám nhìn bụng ngựa. Đến đó chỗ ghi thư khế chưa gì đã có.

Huyền Chi nói rằng: “Xưa trước Quang Võ (Quang Võ Đế - Lưu Tú 25 - 58 thời Đông Hán) vâng nhận mạng trời, cầu băng ngưng đóng tại Lự thủy. Chiêu Liệt Trung khởi, Địch Lô nhảy ở Nê-câu, đều là lý hợp với trời, thần kỳ giúp đỡ, nên có thể ra sông cứu tế nước nhà, lớn giúp muôn dân. Nếu Nhĩ Chu Triệu là kẻ mắt ong tiếng sói hành vi thấp cùng như kiêu kỉnh, cản trở binh lính, sao nhãng làm giặc hại quân thân, Hoàng Linh có nhận biết, xét soi hung đức ấy. Trái lại khiến Mạnh Tân, Do Tất ngầm ý phản nghịch, đối xứng là Đại Đạo. Họa mang thai nghén quỷ thần phước khinh hiềm. Lấy đo nghiệm xét, biết hẳn là đối bày”. Bấy giờ, Nhĩ Chu Triệu đóng quân Thượng thư tỉnh kiến. Thiên tử ở sân Kim Bành bày lậu khắc, Tần Ngự Phi Chúa đều bưng bít ở màn vây. Hiếu Trang Đế ở trên lầu cửa chùa, lúc đó đang là tháng 12, Hiếu Trang Đe cảm mắc rét lạnh nên cầu xin Nhĩ Chu Triệu cho khăn trùm đầu. Nhĩ Chu Triệu không cho mà bèn bắt tù Hiếu Trang Đế đưa về Tấn Dương. Hiếu Trang Đế bèn thắt cổ tự sát tại tầng cấp thứ 3 của chùa. Lúc sắp qua đời, Hiếu Trang Đế vào chùa lễ Phật, nguyện chẳng làm Quốc vương, có trước thuật bài Từ Ngũ Ngôn rằng:

*“Quyền bỏ đường sống gác
Buồn đến đường chết dài
Ôm hận ra cửa nước
Ngâm buồn vào lòng ma
Cửa hầm một lúc đóng
Sân tối đâu sáng lại?
Xưa nay nghe chết khổ
Sao nói thân phải mang?”*

Đến mùa Đông năm Thái Xương thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy mới nghinh Tử cung đến kinh đô an táng nhục thân Hiếu Trang Đế ở Tĩnh Lăng. Bài thơ ngũ ngôn do Hiếu Trang Đế trước tác tức là Văn Ca Từ, mọi người từ triều đình đến thôn dã nghe đó đều thương khóc, dân chúng trông thấy đó đều bưng lệ mà thôi.

Đến tháng 2 năm Vĩnh Hy thứ 3 (534) thời Bắc Ngụy, Phù đồ bị nạn lửa đốt cháy. vua Hiếu Võ Đế (Nguyên tu 531-534) lên đài Lăng Vân trông nhìn thấy lửa bèn sai Nam Dương Bảo Cự Lục, Thượng thư Trưởng Tôn Trĩ dẫn 1.000 võ lâm đến cứu chữa. Đến nơi lửa cháy không ai chẳng buồn tiếc rơi lệ mà đi. Mới đầu lửa từ trong tầng cấp thứ 8 phát ra lúc sáng sớm. Khi ấy sấm mưa mịt mù, xen lẫn tuyết rơi, các hàng đạo tục dân chúng đều đến trông nhìn lửa, tiếng buồn khóc chấn động cả kinh thành thôn ấp. Khi đó có 3 vị Tỳ-kheo nhảy vào trong lửa mà

chết, qua 3 tháng sau lửa vẫn chưa tắt hết, có nơi lửa ngấm vào lòng đất tìm theo cột trụ, tròn một năm sau mà vẫn còn hơi khói.

Trong tháng 5 năm đó, có người từ tượng quận đến nói rằng: “Thấy Phù Đồ ở trong biển, ánh sáng tỏa chiếu, nghiêm nhiên như mới. Dân chúng trên biển cảm đều trông thấy vậy, bỗng chốc sương móc nổi dậy, Phù Đồ bèn ẩn”. Đến trong tháng 7, Bình Dương Vương vì Thị Trung Học Tư Thông Sử khiến vôi đến Trường An. Qua tháng 10 thì dời kinh đô đến đất nghiệp.

2. CHÙA KIẾN TRUNG

Chùa Kiến Trung do Thượng thư lệnh Lạc Bình Vương Nhĩ Chu Thế Long dựng lập năm Phổ thái thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy. Đó vốn là vườn nhà của yêm quan tư không Lưu Đằng. Nhà cửa phòng ốc xa xỉ, rườn cột vượt qua quy chế, trong khoảng không gian một dặm mà hiên vũ đầy khắp, nhà sánh như Điện Tuyên Quang, cửa so tợ Càn minh môn, thoáng rộng tráng lệ, các vương hầu chẳng thể sánh kịp. Tại phía Bắc Ngự Đạo trong Tây dương môn, chỗ gọi là làng Diên niên. Phía Đông vườn nhà Lưu Đằng có chùa Thái Bộc, phía Đông chùa ấy có Thờa Hoàng thự, phía Đông thự ấy có Võ Khế thự tức là Ngụy tướng quốc tư mà vẫn vương phủ, phía Đông phố đó là đến Lư Hạp môn. Về phía Nam ngự đạo trong Tây dương môn có làng Vĩnh Khương, trong làng đó lại có vườn nhà của Lãnh quân tướng quân Nguyên Nghĩa, đào bới giếng cũ có tảng đá khắc ghi là: “Đây là vườn nhà của Thái úy Tuân Lận, thời nhà Hán”. Trong niên hiệu chánh quang (520-525) thời Bắc Ngụy. Nguyên Nghĩa chuyên quyền, Thái hậu U cách vĩnh hạn. Lưu Đằng làm mưu chủ. Nguyên nghĩa là con của Giang Dương Vương Kế là em rể Thái hậu, khoảng đầu niên hiệu Hy Bình (516) thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) đảng là trẻ nhỏ, các Vương hầu khuyên tâu Thái hậu mời Nguyên Nghĩa làm thị trung, lãnh quân tả hữu lệnh tổng cấm binh, đem tất cả nổi lòng giao phó, trái lại bị U cách vĩnh hạn nên đến năm thứ 6 (?), Thái hậu khóc nói rằng: “Nuôi dưỡng hổ tự cắn, hủy lớn thành rắn”. Đến năm Hiếu Xương thứ 2 (526) thời Bắc Ngụy, Thái hậu trở lại cầm nắm chính quyền, bèn giết Nguyên Nghĩa v.v... vùi lấp ruộng vườn của Lưu Đằng. Ngày Nguyên Nghĩa bị giết thì Lưu Đằng đã là đồ vật xưa cũ, Thái hậu nghĩ nhớ tội Lưu Đằng nên phá mộ tàn hại xương cốt, khiến thần linh Lưu Đằng không nơi trở về, đem vườn nhà đó mà cấp tặng cho Cao Dương Vương Ung. Đến năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Thượng thư lệnh Lạc

Bình Vương Nhĩ Chu Thế Long vì Nhĩ Chu Vinh mà tu tạo phước, nên đề bằng làm chùa, cửa son gác vàng, chỗ gọi là nơi tiên ở, lấy tiền sắm làm điện Phật, lấy hầu đường làm giảng thất, hoa vàng lọng báu khắp đầy ở trong, có một ngôi chùa gió mát vốn là chỗ lánh nắng nóng của Lưu Đằng, mát mẻ thường lạnh qua mùa hạ không ruồi lặn. Có những cây gỗ đã vạn năm ngàn năm sống ở đó vậy.

3. CHÙA TRƯỜNG THU

Chùa Trường Thu do Lưu Đằng dựng lập. Mới đầu, Lưu Đằng làm Trường thu lệnh, nhân lấy đó mà đặt tên, chùa nằm cách ngự đạo 1 dặm về hướng Bắc trong Tây dương môn, cũng tại làng Diên niên, tức nơi chùa kim thị trong triều đại nhà ấn, về phía Bắc có ao Mông phiếm, mùa hạ thì có nước, mùa Đông thì khô cạn, bên trong có ngôi Phù Đồ cao 3 tầng, mâm vàng chùa linh sáng rõ khắp trong thành, có tạo hình tượng voi tắng 6 ngà mang chở Đức Thích Ca ở giữa không trung, mọi Phật sự trang nghiêm thấy đều sử dụng bằng vàng ngọc, thợ làm kỳ lạ khó thể tả bày cụ thể. Vào ngày mồng 4 tháng 4, tượng ấy thường ra, sứ tử dẹp tà dẫn đường đi trước đó, ngâm nuốt dao, phun nhả lửa nhảy vọt một mặt, vẽ thêu trên trướng hết sức xảo quyết khác thường, kỹ năng tài giỏi vận mặc khác thường đến khắp cùng đô thị. Những nơi tượng đến dừng nghỉ, mọi người đua nhau đến trông xem như tường ngăn, giẫm đạp lên nhau, thường có người chết.

4. CHÙA DAO QUANG

Chùa Dao Quang do Thế Tông Tuyên Võ Hoàng Đế (tức vua Tuyên Võ Đế - Nguyên khác 500-16) thời Bắc Ngụy tạo lập. Chùa ở tại phía Đông bắc Ngự đạo trong Lư hạp môn cách Thiên thu môn khoảng 2 dặm. Về phía Bắc đường đi trong Thiên thu môn có vườn Tây du, trong vườn ấy có đài Lăng vân, tức do vua Văn Đế (?) thời Bắc Ngụy tạo lập. Trên đài có giếng ở 8 góc, Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoàn 471-500 thời Bắc Ngụy) tạo dựng Lượng phong Quán ở phía Bắc giếng. Lên đó trông nhìn xa hết tầm mắt thì thấy được Lạc Xuyên, phía dưới đài có ao cong Bích Hải, phía Đông đài có Tuyên Từ quán cao cách đất 10 trượng, phía Đông quán ấy có Linh Chi điều đài được dùng nhiều gỗ tạo dựng nên, đưa ra trong biển cách đất cao 20 trượng, gió thoáng cửa thông cửa sổ mây nổi nơi xà rườn, cột sơn son khắc chạm xà đồ họa ghi tả liệt tiên, khắc đá làm lúng cả kính gánh mang Điều đài, đã như từ đất nhảy vọt lại tự từ không trung bay xuống, phía Nam Điều đài có

điện Tuyên quang, phía Bắc có Điện gia phước, phía Tây có điện Cửu Long, trước điện có 9 con rồng phun nước thành một biển. Cả 4 điện ấy đều có các bay qua lại đến Linh Chi đài. Vào tháng Tam phục (?), vua thường ở tại Linh Chi đài để tránh nắng nóng. Có một ngôi Phù Đồ cao 5 tầng cách đất cao 50 trượng, bàn tay tiên lấn lướt giữa hư không, Linh khánh rủ ở ngoài mây, thờ lạt khéo léo ngang bằng như ở chùa Vĩnh Minh. Giảng đường phòng Ni có hơn 500 gian đan xéo liền quanh, cửa thông cửa sổ nối liền nhau, gỗ quý cỏ thơm, không thể tả hết, cây gỗ ngư sừ cẩu cốt, giống cỏ kê đầu cấp cước cũng đều có đủ. Tiêu phòng chỗ Tần ngự học đạo, dịch đình mỹ nhân đều tại trong đó. Cũng có các hàng dòng họ cao quý xử nữ tánh mển Đạo tràng xuống tóc giả từ thân thuộc đến nương ở đó. Tiết lẳng trần lệ, áo mặc tu Đạo, gieo tâm vào chánh quy hướng Nhất thừa.

Trong năm Vĩnh An thứ 3 (530) thời Bắc Ngụy, Nhĩ Chu Triệu vào Lạc Dương thao túng binh lính cướp bóc đại loạn, bấy giờ có Tú Dung Hồ Kỳ vài mươi người vào chùa Dao Quang dâm uest, từ đó về sau luôn bị dèm chê, nên tại kinh đô có lời nói rằng: “Nam nhi Lạc Dương gấp làm búi tóc, Ni chùa Dao Quang cưỡng đoạt làm rể”. Phía Bắc chùa Dao Quang có Thừa minh môn, có thành Kim Dong, tức do dòng họ nhà Ngụy tạo dựng nên đó. Về góc Đông Bắc của thành có lầu cao trăm thước của vua Văn Đế thời nhà Ngụy, năm tháng trải qua tuy đã dài xa mà hình chế tựa như mới. vua Cao Tổ (Hiếu Văn Đế) tạo điện Quang cực ở tại trong thành, nhân đó mà gọi là thành Kim Dong, cửa đề là Quang cực môn, lại làm lầu tầng các bay, khắp trên dưới thành, từ đất mà trông nhìn đó có như mây vậy.

5. CHÙA CẢNH LẠC

Chùa Cảnh Lạc do Thái phó Thanh Hà Văn Hiếu Vương Dịch tạo dựng. Vương Dịch là con của Hiếu Văn Hoàng Đế (Thác Bạt Hoàn) là em của Tuyên Võ Hoàng Đế (Nguyên Khác). Chùa ở tại phía Nam Lự hạp môn từ phía Tây Ngự đạo trông nhìn thấy chùa Vĩnh Ninh, mặt chánh tương đương. Phía Tây chùa ấy có Tư đồ phủ, phía Đông có vườn nhà của Đại tướng quân Cao Triệu, phía Bắc tiếp liền làng Nghĩa tỉnh, ngoài cửa phía Bắc làng Nghĩa tỉnh có vài gốc cây tùng cành nhánh tươi tốt, phía dưới có một cái giếng nước mát ngọt có máng đá lợ sắt cung cấp cho người đi đường uống nước. Che phủ râm mát, có nhiều người dừng nghỉ. Có một ngôi Phật điện, kiệu tượng tại đó, điêu khắc chạm trổ rất mực xảo diệu, nổi bật hơn hẳn một thời, mái nhà bao quanh,

phòng cong tiếp liền, cảnh nhẹ phẩy cửa, hoa nở đầy sâu, trong 6 ngày trai thường bày nữ nhạc, tiếng ca nhiều quanh cầu, áo vũ từ từ xoay chuyển, tiếng ty sáo vang xa hài hợp khéo nhập thần, vì đó là chùa Ni, nên các hàng nam tử tượng phu không được vào. Những người được đến trông xem đều cho là đến chốn thiên đường. Đến lúc Văn Hiến Vương (?) qua đời, chùa cấm có phần khoan dung, nên dân chúng vào ra không còn phải lo ngại. Về sau, Nhữ Nam Vương Duyệt lại đến tu ở chùa đó, Vương Duyệt là em của Văn Hiến, chiêu tập các âm nhạc đến trình diễn ở trong chùa, chim kỳ thú lạ vũ võ nơi sân điện, bay liệng huyền hoặc trên không, đập lửa ném xuống giếng, trông tảo trông dưa chỉ phút chốc đều được có ăn. Các hàng sĩ nữ đến trông xem mê loạn cả mắt. Từ niên hiệu Kiến Nghĩa (528-528) thời Bắc Ngụy trở về sau, tại kinh đô từng có lắm binh loạn, nên vui thú ấy bèn ẩn mất.

6. CHÙA NI CHIÊU NGHI

Chùa Ni Chiêu Nghi do các Hoạn quan tạo lập. Chùa ở cách một dặm phía trong Đông dương môn thuộc phía Nam Ngự đạo. Phía Bắc đường đi trong Đông dương môn có hai Quan thự của Thái Bắc Thương Đạo. Phía Đông nam có làng Trị Lật, Thương ty Quan thuật ở tại trong đó. Lúc Thái hậu vào triều, chùa Hôn chuyên mấn mộ. Nhà của Quan nên vàng chất tràn đầy. Do đó, Tiêu Hân nói rằng: “Thăng đầu của Cao Hiên đều là Ly phụ của Yêm (Hoạn) quan, Ngựa Hồ kêu ca không gì chẳng là dưỡng nghị của Hoàng môn”. Tiêu Hân vốn người xứ Dương Bình, rất ưa chuộng văn chương sinh vở, ít có danh dự, thấy chùa Hôn mấn mộ lớn bèn nói lên lời đó, và nhân đó mà vang danh, làm Trị thư thị ngự sử. Chùa có 1 tôn tượng Phật và hai tôn tượng Bồ-tát, người thợ đắp họa rất tinh xảo, khắp chốn kinh đô không đâu có như thế hằng năm, ngày mồng 07 tháng 04, thường nghinh thỉnh ra chùa Cảnh Minh, 3 tôn tượng ở chùa Cảnh Minh cũng luôn ra nghinh đón kỹ nhạc lắm nhiều cùng sánh ngang bằng như Lưu Đăng. Trước nhà có cây liễu gỗ miếng. Tại chùa Chiêu Nghi có ao, học đồ ở chốn kinh đô gọi đó là Địch Tuyền. Theo Huyền Chi căn cứ Đồ Dự chú thích sách xuân thu rằng: “Địch Tuyền tại phía Tây nam của Tấn Thái Thương. Xét Tấn Thái Thương tại trong kiến xuân môn”. Nay Thái Thương tại trong Đông dương môn. Xứ nay tại phía Tây nam của Thái Thương, nên rõ ràng chẳng phải là Địch Tuyền vậy. Theo Ấn sĩ Triệu Dật nói “Xứ này là ao nhà của Thị Trung Thạch Sùng thời nhà Tấn”. Phía Nam ai có lầu Duyên cầu, do đó Học đồ lúc mới ngủ dậy đi ngang qua đó tưởng thấy được dung mạo của

Duyên Cầu. Về phía Tây nam ao ấy có chùa Nguyễn Hội, do Trung thư xá Nhân Vương Dực xả thí vườn nhà để tạo dựng đó. Trước Phật đường có một cây dâu thẳng cao lên 5 thước, cành nhánh bủa quanh, mầm lá trái rủ hình dáng như lọng vũ, lại cao 5 thước, là sắp xếp 5 lớp, mỗi lớp là cành mỗi khác. Các hàng Đạo tục ở kinh đô cho đó là cây dâu thần, mọi người đến trông xem đông thành chợ, lắm nhiều người bố thí cúng dường. vua (?) nghe thế mà sinh tức ghét cho là dối hoặc quân chúng, bèn bảo cấp sự trung Hoàng môn thị lang Nguyên Kỷ chặt phá. Ngày đó mây móc phủ tối mịt mù, nơi hạ búa, huyết đổ xuống đất, các người trông thấy không ai chẳng buồn khóc. Phía Nam chùa có làng Nghi thọ, trong làng ấy có vườn nhà của Bảo Tín, Huyện lệnh Đoàn Huy, thường nghe có tiếng chuông ngân vang dưới đất, có lúc thấy ánh sáng 5 sắc soi chiếu nơi phòng nhà. Đoàn Huy lấy làm lạ bèn đào bới nói chỗ, ánh sáng phát ra mà có được một tôn tượng bằng vàng cao 2 thước, có 2 tôn tượng Bồ-tát trên mu bàn chân khắc ghi rằng: “Ngày 15 tháng 5 năm Thái Thủy thứ 2 (266) thời Tây Tấn, do Thị trung trung thứ giám Tuân Úc tạo”. Đoàn Huy bèn xả thí vườn nhà tạo lập thành chùa Quang Minh. Mọi người thời bấy giờ đều gọi đó là vườn nhà xưa cũ của Tuân Úc. Về sau có kẻ trộm muốn trộm lấy tôn tượng đó. Tôn tượng ấy cùng hai tôn tượng Bồ-tát đồng tiếng kêu: “Giặc”. Kẻ trộm kinh sợ liền ngã té. Chư Tăng nghe tiếng tôn tượng kêu bèn ra bắt được giặc cướp. Chùa Hồ Thống do Thái hậu theo cô dựng lập nên, vào xuất gia vào đạo làm Ni ở tại chùa đó. Từ chùa Vĩnh Ninh đi về phía Nam cách khoảng 1 dặm có ngôi tháp báo cao 5 tầng, chùa vàng cao rộng, phòng suốt liền nhau, cửa thông giao đối, cột trụ sơn son, tường vách sắc trắng rất đẹp xinh tráng lệ. Chư Ni ở chùa đó đều là những bậc Danh đức ở chốn Đế thành, khéo hay biệc mở dẫn tài giỏi đàm luận về nghĩa lý, thường vào trong cung cùng Thái hậu giảng nói pháp. Mọi sự cung cấp cúng dường cho Ni chúng ở đó, chẳng đâu sánh bằng vậy.

7. CHÙA TU PHẠM

Chùa Tu Phạm tại phía Bắc Ngự đạo trong Thanh dương môn. Chùa Tung Minh lại ở phía Tây chùa Tu Phạm, đều là khắc tường vút cao mái ngang phòng nhà liền rui cũng là chùa danh tiếng vậy. Chùa Tu Phạm có Kim cang nên cứ cấp chằng vào, chim tước chằng nường đậu. Sa-môn Bồ-đề Đạt-ma nói là: “Có được chân tướng vậy”. Phía Bắc chùa đó có làng Vĩnh Hòa, là nơi vườn nhà của Thái sư Huân Trác thời nhà Hán. Nay hiện còn có nước, suốt mùa đông mùa hạ chẳng cạn

khô. Trong thôn có vườn nhà của Thái Phó Lục Thượng Thư Trưởng Tôn Trĩ, Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Quách Tộ, Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan, Đình Uy Khanh Nguyên Hồng Siêu, Vệ Ủy Khanh Hứa Bá Đào, Lương Châu Thứ Sử Uất Thành Hưng v.v... cả thảy 6 ngôi, đều là cửa cao nhà đẹp, trai quán thoáng xinh, cây thu cây hờ che râm đường đi cây ngô đồng cây dương trồng thoáng, người thời bấy giờ gọi đó là làng phú quý, mọi người đào nơi đất xứ đó liền được các vật bằng vàng ngọc quý báu. Nhà Hình Loan từng đào bới được cát đỏ và vài mươi vạn tiền có khắc ghi là vật của Huân Thái sư. Sau đó trong đêm Huân Trác theo Hình Loan đòi vật ấy, Hình Loan chẳng chịu trả cho, qua năm sau Hình Loan bèn chết vậy.

8. CHÙA CẢNH LÂM

Chùa Cảnh Lâm tại phía Đông Ngự đạo trong Khai dương môn, giảng đường chánh điện xây theo hàng lớp, phòng nhà nối liền nhau, cột sơn sáng rõ như mặt nhật, trụ xà thêu vẽ đón gió, thật là Thắng địa. Phía Tây chùa có khu vườn có lắm nhiều cây trái kỳ lạ, mùa xuân có chim mùathu có ve tiếng kêu hót liên tục. Bên trong có một Thiền phòng, trong đó lại thiết đặt tinh xá kỳ hoàn, hình chế tuy nhỏ, nhưng tạo dựng khéo léo khó thể thêm vì Thiền các tĩnh lặng, thất ẩn ngưng sâu, cây quý cặp tường, trụ xinh men thêm, tuy nói là nơi triều đình phố thị mà tưởng đồng như hang cốc. Chư Tăng tĩnh hạnh ngồi trên thangka sàng bên trong, hưởng gió đượm nhuần Đạo ngôi kiết già quán sở tức. Lại có một bia minh bằng đá, do Bác sĩ Lư Bạch Đầu trước thuật văn bia ấy. Lư Bạch Đầu tự là Cảnh Dụ người xứ Phạm Dương, tánh tình ưa thích đạm bạc tĩnh lặng, rong chơi vườn đồi. Học cùng 6 kinh, nói rành Bách Gia Chư Tử. Đấu niên hiệu Phổ Thái (531) thời Bắc Ngụy, từ nhà ra làm Quốc tử bác sĩ, tuy ở chốn cửa son, mà lấy việc chú thuật làm chính. Có chú giải Chu dịch lưu hành nơi đời vậy.

9. CHÙA TƯ NÔNG Ở KIẾN XUÂN MÔN

Tại phía Nam Ngự đạo trong Kiến Xuân Môn có ba dinh thự cú tuần điển nông tịch điền, phía Nam tịch điền có chùa Tư Nông, phía Bắc Ngự đạo có khoảng đất trống không, phỏng dịch làm Đông cung, trong thời Trung Triệu nhà Tấn đó là Thái Thương, phía Nam Thái Thương có Địch Tuyền, chu vi bao quanh ba dặm tức như trong sách Xuân Thu nói là Vương Tư Hồ Tấn Hồ Yển kết thể tại Địch tuyền, nay nước còn lặng trong thấu suốt tời đáy rõ ràng, các loài thủy tộc ẩn tàng bên trong phân

rõ được cá và ba-ba. Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác bát Hoàn 471-500) thời Bắc Ngụy đặt ở phía Bắc suối phía Nam sông. Ở thời Trung Triều nhà Tấn Bộ rộng cả trăm dặm vậy. Phía Tây suối có Hoa lâm viên, Cao Tổ cho rằng suối nằm ở phía Đông Hoa lâm viên, nhân đó gọi tên là Biển thương Long. Trong Hoa lâm viên có biển lớn, tức ao Thiên uyên ở thời nhà Hán. Trong ao còn có đài cửa hoa của Văn Đế (?). Cao Tổ tạo điện Thanh Lương tại trên đài. Thế Tông (Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác 500-516) thời Bắc Ngụy tạo núi Bồng lai tại trong biển. Trên núi có Tiên nhân quán. Núi ấy còn có điện Điều Đài và đều tạo các cầu vòng nương giữa không trung mà qua lại. Hằng năm vào ngày hễ trong tháng 3 và tháng 9, vua cưỡi thuyền rồng vẽ hình chim nghich vân du trên đó. Phía Tây biển có táng băng thất, tháng 6 thường lưu xuất băng cung cấp cho trăm quan. Về phía Tây Nam biển có điện Cảnh Sơn. Về phía Đông của núi có đỉnh Hy Hòa, trên đỉnh có Ôn Phong Thất, phía Tây núi có ngọn núi Hằng nga, trên đỉnh có Lộ Hàn quán đều có gác bay thông liền nhau, lướt núi đạp hang. Ở phía Bắc núi có ao Huyền vũ, phía Nam núi có điện Thanh Thử, phía Đông điện ấy có điện Lâm giản Đình, phía Tây có đài Lâm Ngụy. Phía Nam núi Cảnh dương có vườn có trăm thứ trái cây, trái cây xếp bày làm rừng. Mỗi rừng có một ngôi nhà. Có giống táo tiên nhân lớn 5 tấc, bỏ nó hai đầu đều ra, hạt nhỏ như kim châm, đến lúc sương giáng mới chín, ăn nó rất ngon, ở đời tương truyền lưu xuất ra núi Côn lân, một thuyết khác nói là táo tây vương mẫu. Lại có đào tiên nhân, sắc màu đo suốt cả trong ngoài, gặp được sương lạnh liền chín, cũng lưu xuất ra núi Côn lân, một thuyết khác nói là Đào vương mẫu. Phía Nam rừng nai có một bia đá do vua Minh Đế (Hiếu Minh đế - Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy tạ lập. Đề là bia “Miêu Tỳ”. Ở phía Bắc bia ấy, Cao Tổ có tạo lập Miêu tỳ đường. Trong khoảng nhiếp hóa Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, vua Trang Đế (tức Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du) cưỡi ngựa bắn tên tại Hoa lâm viên, trăm quan đều đến đọc văn bia ấy, nghi ngờ chữ “Miêu” viết sai nhầm. Quốc tử bác sĩ Lý Đồng Quý nói rằng: “vua Minh Đế là bậc anh tài người đời tôn xưng là Tam Công Tổ Cán, Trọng Tuyên lấy đó làm lông cánh, chỉ vì chưa hiểu bản ý như thế nào chứ không thể nói là sai nhầm vậy”. Đến lúc Huyễn Chi làm phụng triều thỉnh, nhân đó liền giải thích rằng: “Dùng cỏ rơm khô che phủ lên trên đó, nên gọi là Miêu Tỳ sao gọi là sai nhầm!”. Mọi người đều ngợi khen là khéo tài, rất lấy làm đạt được chỉ quy ấy vậy, phía Tây rừng nai có Đô Đường, có ao lưu thương, phía Đông Đô đường có biển phù tang. Phàm các biển đây đều có đá

khoét lỗ rút chảy xuống đất. Phía Tây có sông Thông cốc, phía Đông có cầu Liên dương, cũng cùng liền thông với Địch Tuyền. Nếu thần nắng hạn làm hại lúa thóc thì nước rưới xuống khiến chẳng khô cạn, lìa xong bên cạnh đượm thấm dương cốc rò rỉ chẳng tràn. Đến như vây vẩy khác loài, lông cánh khác giống, rửa gợn nổi sóng tự như tự nhiên vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM TRONG THÀNH LẠC DƯƠNG QUYỂN 1
(Hết)

